

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2021/QĐST-HNGĐ

C, ngày 17 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH L

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Thư ký phiên họp: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh L tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1962, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông U: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1968, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1974, cư trú tại: ấp T2, xã L2, huyện C, tỉnh L, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 11/01/2021 và tại phiên họp, người yêu cầu bà Nguyễn Thị T trình bày như sau: Cụ Nguyễn Văn T3 sinh năm 1932 (mất năm 2001) và cụ Nguyễn Thị Khoe, sinh năm 1934 (mất năm 2016) chung sống với nhau từ trước năm 1952. Trong thời gian chung sống, cụ T3 và cụ Khoe có 08 người con chung gồm: Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; Nguyễn Văn B, sinh năm 1953; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; Nguyễn Văn U, sinh năm 1962; Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Nguyễn Văn R, sinh năm 1968, Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1974.

Thời điểm cụ Khoe sinh bà T là thời điểm cụ T3 trốn đi lính, vì sợ bị bắt đi lính nên khi làm khai sinh cho bà T, cụ Khoe không khai họ tên cha của bà T mà để trống phần họ tên cha, chỉ có họ tên mẹ là Nguyễn Thị Khoe.

Nay, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án xác định cụ Nguyễn Văn T3 là cha ruột của bà Nguyễn Thị T để bà T làm thủ tục điều chỉnh giấy khai sinh của bà T.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất trình bày như sau: Cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Nguyễn Thị Khoe chung sống với nhau từ trước năm 1952. Trong thời gian chung sống, cụ T3 và cụ Khoe có 08 người con chung gồm: Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; Nguyễn Văn B, sinh năm 1953; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; Nguyễn Văn U, sinh năm 1962; Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Nguyễn Văn R, sinh năm 1968, Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1974.

Thời điểm cụ Khoe sinh bà T là thời điểm cụ T3 trốn đi lính, vì sợ bị bắt đi lính nên khi làm khai sinh cho bà T, cụ Khoe không khai họ tên cha của bà T mà để trống phần họ tên cha, chỉ có họ tên mẹ là Nguyễn Thị Khoe.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 là con ruột của cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Nguyễn Thị Khoe, nên yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T để bà T làm thủ tục điều chỉnh giấy khai sinh.

Tại phiên họp, bà L1 trình bày như sau: Bà L1 thống nhất với lời trình bày của bà T và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác định bà Nguyễn Thị T là con của cụ T3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đề nghị Tòa án nhân dân huyện C áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc xác định cụ Nguyễn Văn T3 là cha ruột của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu xác định cụ Nguyễn Văn T3 là cha ruột là việc dân sự yêu cầu xác định cha cho con Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Khoản 10 Điều 29, điểm t Khoản 2 Điều 39, Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Xét thấy, cụ Nguyễn Văn T3 sinh năm 1932 (mất năm 2001) và cụ Nguyễn Thị Khoe, sinh năm 1934 (mất năm 2016) chung sống với nhau sinh ra 08 người con chung gồm: Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; Nguyễn Văn B, sinh năm 1953; Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; Nguyễn Văn U, sinh năm 1962; Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Nguyễn Văn R, sinh năm 1968, Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1974. Theo trích lục khai sinh của bà T không thể hiện họ tên cha là cụ Nguyễn Văn T3 mà chỉ có họ tên mẹ là cụ Nguyễn Thị Khoe. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận bà T là con ruột của cụ T3 và cụ Khoe, là anh chị em ruột cùng cha cùng mẹ với bà S, ông B, bà T1, ông U, bà H, ông R và bà L1. Do đó, việc bà T yêu cầu xác định cụ Nguyễn Văn T3 là cha ruột của bà T là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên, nên áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của bà T và xác định cụ Nguyễn Văn T3 là cha của bà T.

[3]. Về lệ phí: bà T phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 361, 367, 370 và 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 88, 90 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn yêu cầu của cụ Nguyễn Thị T về việc yêu cầu xác định cha cho con.

Xác định cụ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1932 (đã chết ngày 10/4/2001) là cha của bà Nguyễn Thị T.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng lệ phí việc dân sự, chuyển 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0009415 ngày 01/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C sang lệ phí.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Võ Thu Xuân